

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU

Bản án số: 135/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29-11-2024
V/v ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trường Hận

2. Bà Sơn Thị Kim Lương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồng Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tố Như – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 419/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2024/QĐ-ST ngày 15 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Thạch Thị Q**, sinh ngày 01/01/1983

Địa chỉ: Số C, ấp B, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Thạch Thị Q: Bà Huỳnh Kim M, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Huỳnh Kim M. Địa chỉ: Số G Đ, Khóm A, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1983

Đăng ký thường trú: Số C, ấp B, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thạch Thị Q và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là bà Huỳnh Kim M thống nhất trình bày: Năm 2001, bà Thạch Thị

Q và ông Lê Văn H tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/11/2007. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã không còn chung sống từ đầu năm 2020 đến nay. Nay nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà Thạch Thị Q xin ly hôn ông Lê Văn H.

Bà Q và ông H chung sống có 02 con chung tên Lê Tuấn A, sinh ngày 01/01/2002 và Lê Hoàng A1, sinh ngày 01/01/2003, các con hiện nay đã trưởng thành, nên bà Q không yêu cầu giải quyết. Bà Q và ông H chung sống có tài sản chung nhưng bà Q không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có nên không yêu cầu quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không có lời khai trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thạch Thị Q, cho bà Q ly hôn với ông Lê Văn H. Về con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn” giữa nguyên đơn là bà Thạch Thị Q và bị đơn là ông Lê Văn H, bị đơn ông H đang cư trú tại ấp B, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nên đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng đạt văn bản tố tụng đối với bị đơn ông Lê Văn H, ông H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đối với bà Thạch Thị Q và bà Huỳnh Kim M có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Q, ông H và bà M theo quy định pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Năm 2001, bà Thạch Thị Q và ông Lê Văn H tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/11/2007 nên hôn nhân của bà Q và ông H là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian chung sống vợ chồng, bà Q xác định vợ chồng chung sống xảy ra mâu thuẫn và đã không còn chung sống từ đầu năm 2020 cho đến nay. Đồng thời, theo Biên bản sự việc ngày 30/10/2024, ông H không đồng ý cung cấp lời khai vì bà Q đã bỏ nhà đi 04 năm nay, ông không quan tâm đến việc yêu cầu ly hôn của bà Q, chính quyền địa phương xác định chỉ có ông H sinh sống tại địa phương, không thấy bà Q sống chung với ông H. Như vậy, sự việc vợ chồng ông H và bà Q chung sống xảy ra mâu thuẫn và đã không còn chung là đúng sự thật, phù hợp với lời khai của bà Q cũng như tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện chung sống vợ chồng, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng tình trạng hôn nhân giữa bà Q và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng không có khả năng hàn gắn, vợ chồng không còn chung sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho bà Q ly hôn ông H là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà Q và ông H chung sống có 02 con chung là Lê Tuấn A, sinh ngày 01/01/2002 và Lê Hoàng A1, sinh ngày 01/01/2003, các con hiện nay đều trên 18 tuổi, đủ tuổi trưởng thành, bà Q có cung cấp giấy khai sinh của các con, Hội đồng xét xử xét thấy các con chung hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành, bà Q không yêu cầu giải quyết về con chung và Tòa án cũng không nhận được ý kiến, yêu cầu của ông H về việc giải quyết đối với con chung, nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Q không yêu cầu giải quyết và Tòa án cũng không nhận được ý kiến, yêu cầu của ông H về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Q xác định không có nợ chung và Tòa án cũng không nhận được ý kiến, yêu cầu của ông H về nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Thạch Thị Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thạch Thị Q đối với ông Lê Văn H. Cho bà Thạch Thị Q được ly hôn ông Lê Văn H.

2. Về con chung: Bà Thạch Thị Q và ông Lê Văn H có 02 con chung tên Lê Tuấn A, sinh ngày 01/01/2002 và Lê Hoàng A1, sinh ngày 01/01/2003 đều đã đủ tuổi trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Thạch Thị Q và ông Lê Văn H không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Thạch Thị Q xác định không có nợ chung và ông Lê Văn H cũng không có ý kiến yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Thạch Thị Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Q đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0003111 ngày 07/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, nay được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS Tp. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ca Kiều Nguyệt